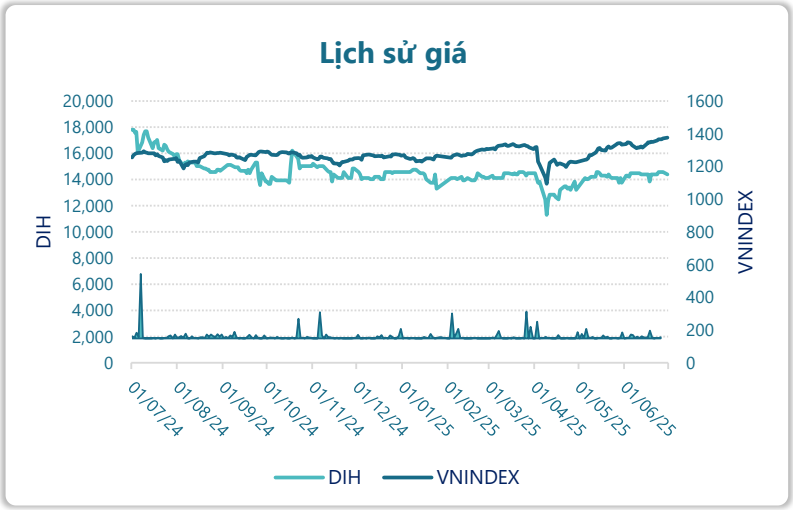
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,808
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,299
SL cổ phiếu LH	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,685
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
P/E	3.5
EPS	4,468

DT thuần

Q2/25

9.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▼201| -95.4%

YoY: ▼0.90| -8.5%

LN sau thuế

Q2/25

0.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.3| -97.2%

YoY: ▲ 0.38| 635%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

70.8%

+/- YoY: ▲ 64.1%

DT thuần

6T 2025

220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 207| 1612%

LN sau thuế

6T 2025

16.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.2| 1564%

ROE

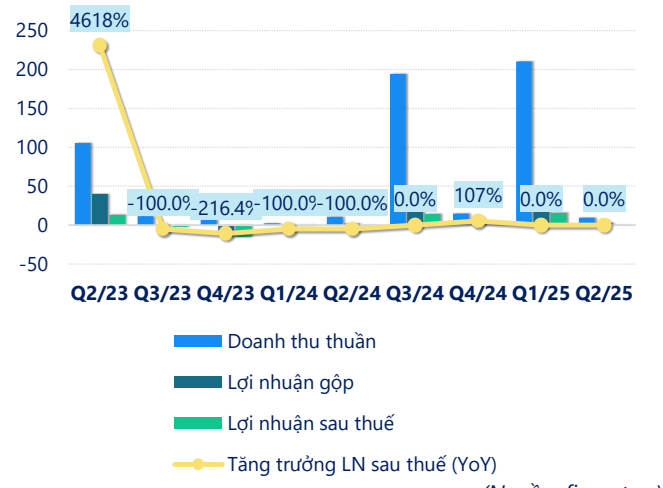
Q2/25

25.7%

+/- YoY: ▲ 42.0%

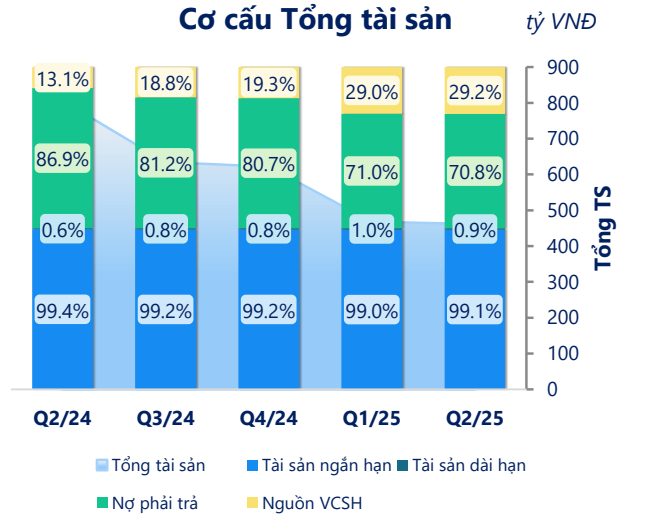
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



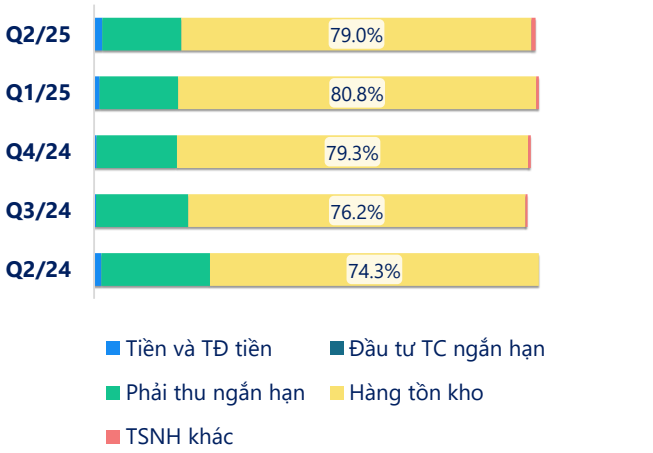
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



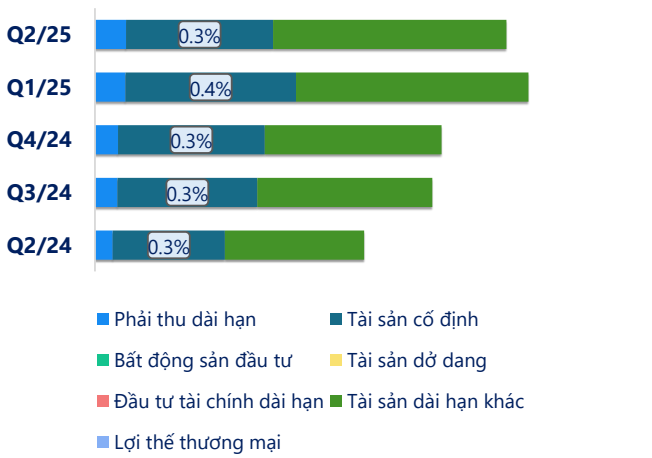
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



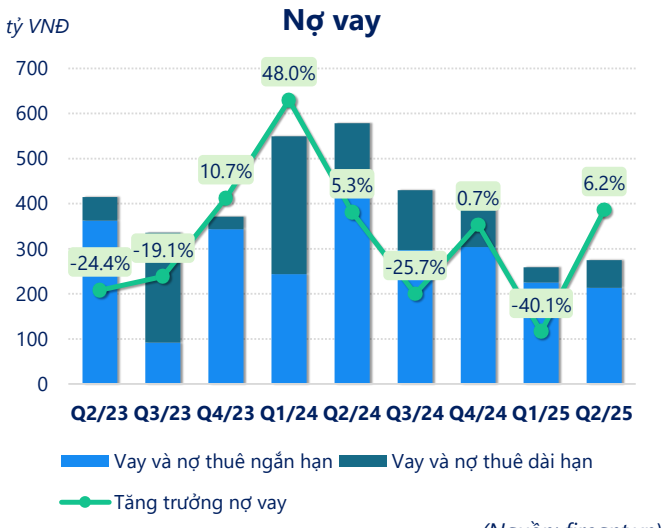
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



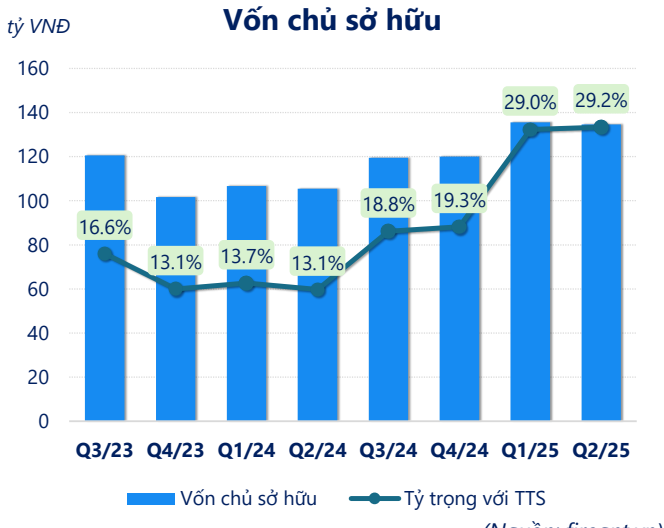
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



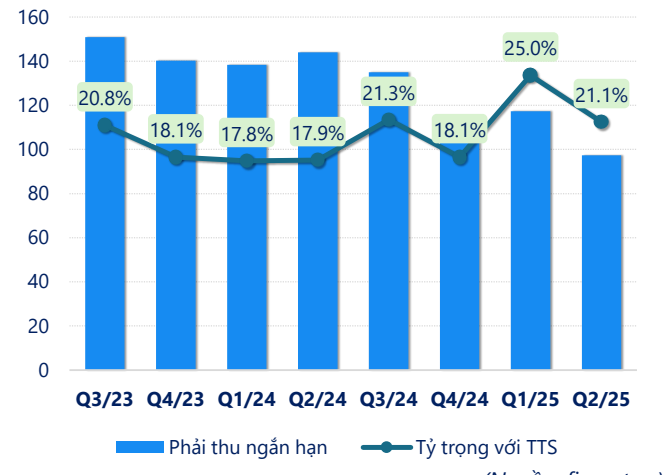
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



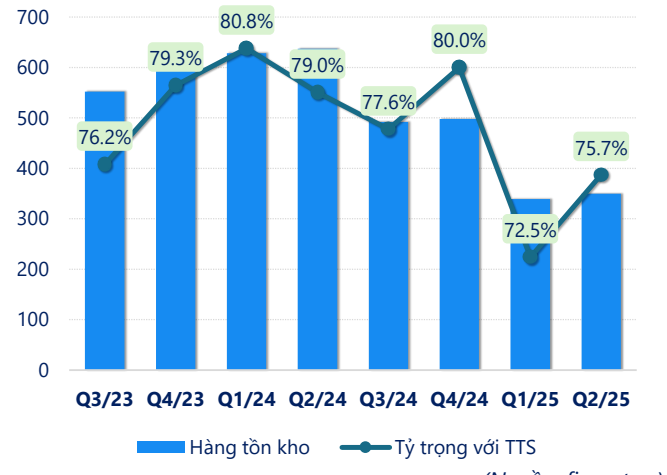
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



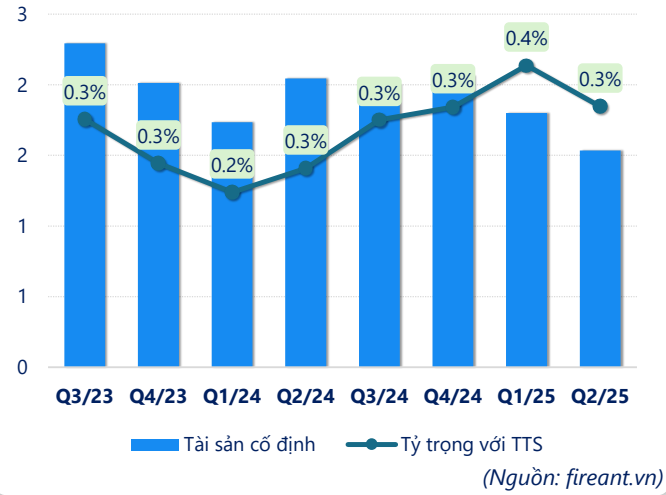
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



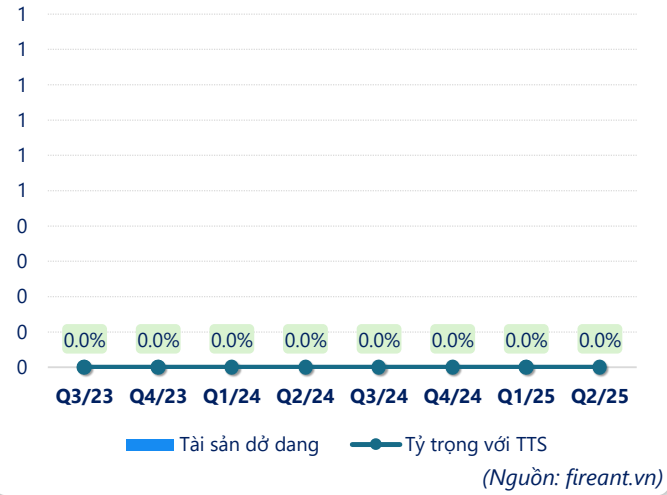
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



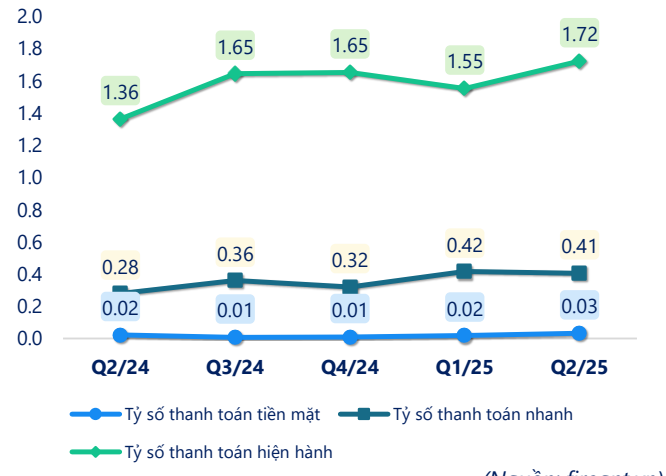
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



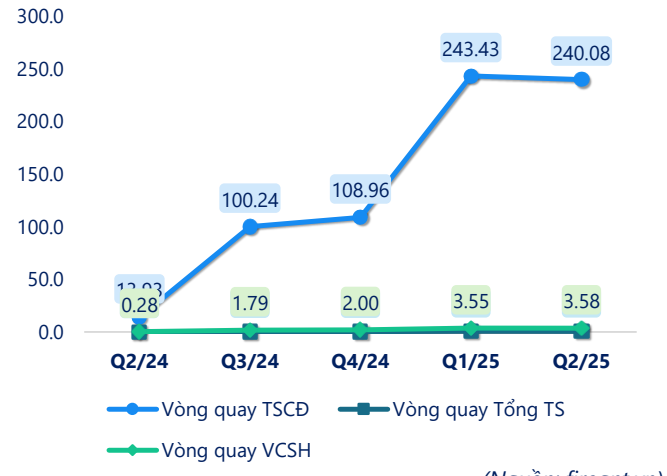
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**806**	**635**	**622**	**468**	**462**
Tài sản ngắn hạn	**801**	**630**	**617**	**464**	**457**
Tiền và tương đương tiền	13.2	2.62	3.67	5.70	8.63
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	144	135	113	117	97.3
Hàng tồn kho	637	492	498	339	350
Tài sản ngắn hạn khác	7.16	0.00	3.26	1.31	1.70
Tài sản dài hạn	**4.90**	**4.83**	**4.87**	**4.58**	**4.29**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.32	0.32	0.32
Tài sản cố định	2.04	2.00	2.06	1.80	1.53
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.53	2.51	2.48	2.45	2.43
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**701**	**515**	**502**	**333**	**327**
Nợ ngắn hạn	**588**	**383**	**374**	**298**	**265**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	465	297	304	225	214
Phải trả người bán ngắn hạn	27.8	27.6	28.2	27.7	25.5
Nợ dài hạn	113	132	129	34.1	61.5
Vay và nợ thuê dài hạn	113	132	129	34.1	61.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**105**	**120**	**120**	**136**	**135**
Vốn chủ sở hữu	**105**	**120**	**120**	**136**	**135**
Vốn điều lệ	59.9	68.9	68.9	68.9	68.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)